

Bắc Từ Liêm, ngày 14 tháng 5 năm 2020.

Số: 133/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2020 về việc ly hôn, gồm những người yêu cầu sau đây:

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1973;
2. Chị Mai Vân B, sinh năm 1977;

Cùng Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Số nhà 10, ngõ 90/53, tổ dân phố 10, phường P, quận B, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 06/5/2020, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc hôn nhân gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Mai Vân B thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Anh T và chị B có 02 con chung là cháu Lê Mai Uyển N, sinh ngày 27/12/2001 và cháu Lê Thành N, sinh ngày 13/8/2013. Lê Mai Uyển N đã trưởng thành. Chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về lệ phí: Anh T và chị B tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Mai Văn B thuận tình ly hôn thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh T và chị B có 02 con chung là cháu Lê Mai Uyển N, sinh ngày 27/12/2001 và cháu Lê Thành N, sinh ngày 13/8/2013. Lê Mai Uyển N đã trưởng thành. Chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Anh Thành có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về lệ phí: Anh T và chị B tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo Biên lai số AB/2015/0003514 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh T và chị B đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- UBND phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 94 quyền số 01/2000 ngày 04/12/2000);
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Nga